



Thực trạng kiến thức và thái độ về dự phòng ung thư cổ tử cung của nữ sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội

Phạm Thúy Hương¹, Lê Thanh Tùng², Bùi Hà Trang², Nguyễn Ngọc Thành²
¹Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội; ²Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức, thái độ dự phòng ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm 2024. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang 385 sinh viên nữ từ năm nhất tới năm thứ 3 của Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. **Kết quả:** Điểm trung bình kiến thức về dự phòng ung thư cổ tử cung của đối tượng nghiên cứu đạt $14,7 \pm 2,54$ (tổng điểm kiến thức tối đa là 22 điểm) đạt 53,5%. Điểm trung bình thái độ về dự phòng ung thư cổ tử cung của đối tượng nghiên cứu đạt $15,1 \pm 4,8$ (tổng điểm thái độ tối đa là 26 điểm) đạt 70,4%. **Kết luận:** Sinh viên có kiến thức khá tốt về việc phòng ngừa ung thư cổ tử cung, tuy nhiên kiến thức về sàng lọc và các yếu tố nguy cơ gây bệnh còn hạn chế. Mặc dù thái độ tích cực, nhưng nhiều sinh viên vẫn còn chủ quan và chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa bệnh.

Từ khóa: Kiến thức, thái độ về ung thư cổ tử cung, dự phòng ung thư cổ tử cung.

Current status of knowledge and attitudes regarding cervical cancer prevention among female nursing students at Hanoi Medical College

Pham Thuy Huong¹, Le Thanh Tung, Bui Ha Trang², Nguyen Ngoc Thanh²
¹Hanoi Medical College; ²Nam Dinh University of Nursing

ABSTRACT

Objective: To describe the knowledge and attitude towards cervical cancer prevention among female students at Hanoi Medical College in 2024. **Subjects and methods:** A cross-sectional study was conducted on 385 female students from the first to the third year at Hanoi Medical College. **Results:** The average knowledge score of the study subjects on cervical cancer prevention was 14.7 ± 2.54 (out of a maximum score of 22) reach 53,5%. The average attitude score of the study subjects towards cervical cancer prevention was 15.1 ± 4.8 (out of a maximum score of 26) reach 70,4%. **Conclusion:** Students have a good understanding of cervical cancer prevention, but their knowledge about screening and risk factors is still limited. Despite their positive attitudes, many students remain complacent and have not fully implemented preventive measures. This indicates a need for further efforts to enhance knowledge and encourage proactive actions to protect their health.

Keywords: Knowledge, attitude, cervical cancer, cervical cancer prevention.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư cổ tử cung (UTCTC), một trong những loại ung thư phổ biến nhất ở phụ nữ, vẫn là mối đe dọa lớn đối với sức khỏe sinh sản toàn cầu. Theo báo cáo gần đây của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) năm 2022, số liệu này tăng lên lần lượt 660.000 trường hợp mắc mới và 350.000 ca tử vong¹. Tại Việt Nam, năm 2018 có 4.177 ca mắc mới và 2.420 ca tử vong².

Nguyên nhân chính gây ra UTCTC là do nhiễm virus HPV, một loại virus lây truyền qua đường tình dục. Các chuyên gia y tế khẳng định UTCTC là căn bệnh nguy hiểm nhưng hoàn toàn có thể phòng ngừa và chữa khỏi nếu được phát hiện sớm, điều trị kịp thời. Trong đó, việc tiêm phòng vắc xin HPV đã được chứng minh có vai trò quan trọng giúp ngăn ngừa và giảm tỷ lệ mắc UTCTC. Tầm soát, sàng lọc, điều trị tiền ung thư cũng là một biện pháp dự phòng có hiệu quả cao³. Người dân nếu có kiến thức đầy đủ, thái độ tích cực, thực hành đúng sẽ làm giảm tối đa gánh nặng bệnh tật.

Sinh viên (SV) nữ trường Cao đẳng Y tế Hà Nội đa số có độ tuổi từ 18 – 24, nằm trong nhóm được khuyến khích tiêm vắc xin phòng HPV. Mặt khác, họ là những người sẽ thực hiện nhiệm vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân trong tương lai. Nghiên cứu của Đỗ Thị Thùy Vân và Việt Thị Minh Trang (2023) cho thấy kiến thức về UTCTC của sinh viên điều dưỡng còn nhiều hạn chế: chỉ có 26,7% đối tượng nghiên cứu có kiến thức đạt về phòng UTCTC⁴. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc tăng cường đào tạo và nâng cao kiến thức và thái độ về UTCTC cho sinh viên.

Để đánh giá thực trạng kiến thức, thái độ phòng ngừa UTCTC của sinh viên điều dưỡng tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội, chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục

tiêu: *Mô tả thực trạng kiến thức, thái độ dự phòng ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm 2024.*

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên nữ đang học tập tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội

Tiêu chuẩn lựa chọn: Sinh viên chính quy đang học tập tại trường từ năm thứ nhất đến năm thứ 3. Đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên vắng mặt vì các lý do như nghỉ ốm, nghỉ học tạm thời, bảo lưu trong khoảng thời gian nghiên cứu. Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội, từ tháng 2 năm 2024 đến tháng 8 năm 2024.

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho ước lượng một tỷ lệ:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 \times p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó

- n: cỡ mẫu đánh giá kiến thức, thái độ phòng ung thư cổ tử cung. $Z_{(1-\alpha/2)}^2 = 1.96$ (với độ tin cậy 95%). d: sai số cho phép, chọn $d = 0,05$. $p = 0,56$ (tham khảo tỷ lệ sinh viên có kiến thức về phòng ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ Điều dưỡng chính quy năm thứ nhất Đại học Thái Nguyên⁵). Thay vào công thức cỡ mẫu tính được là $n = 379$ sinh viên.

Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu chủ đích. Tất cả các sinh viên nữ của Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội đi học sẽ được lựa chọn cho đến khi đủ cỡ mẫu. Thực tế chúng tôi đã phỏng vấn được 385 sinh viên.

Công cụ và phương pháp đánh giá:

- Công cụ đánh giá là bộ câu hỏi dựa trên nội dung phòng ung thư cổ tử cung, đồng thời tham khảo bộ công cụ trong nghiên cứu của Vũ Thị Minh Thi ⁶, Lê Văn Hội ⁷. Nghiên cứu tiến hành điều tra thử nghiệm trên 30 sinh viên đáp ứng tiêu chuẩn chọn mẫu (các đối tượng này không tham gia vào đối tượng nghiên cứu sau đó). Đánh giá thông qua chỉ số Cronbach's Alpha, giá trị bộ công cụ đạt trên 0,7 sẽ đủ tiêu chuẩn để tiến hành nghiên cứu.

- Bộ câu hỏi được thiết kế gồm 3 phần:

Phần 1: Thông tin cá nhân (tuổi, khóa học, ngành học, nơi ở hiện tại,...) gồm 10 câu.

Phần 2: Kiến thức về dự phòng UTCTC gồm 22 câu (12 câu về kiến thức chung về UTCTC và 10 câu về kiến thức về các yếu tố nguy cơ gây UTCTC).

Phần 3: Thái độ về dự phòng UTCTC gồm 13 câu.

- Tiêu chuẩn đánh giá:

Về kiến thức: Tổng điểm kiến thức 22 điểm chia làm 2 mức độ. Kiến thức đạt: Có tổng điểm trên 2/3 số điểm tối đa ở phần kiến thức (từ 15 điểm trở lên). Kiến thức không đạt: Có tổng điểm dưới 2/3 số điểm tối đa ở phần kiến thức (dưới 15 điểm).

KẾT QUẢ

Bảng 1. Thông tin chung của sinh viên nữ tham gia nghiên cứu (n = 385)

Đặc điểm		n	%
Nhóm tuổi	18 - 20	278	72,2
	≥ 21	107	27,8
Khóa học	Năm thứ nhất (N1)	189	49,1
	Năm thứ hai (N2)	69	17,9
	Năm thứ ba (N3)	127	33,0

Về thái độ dự phòng: Tổng điểm thái độ 65 điểm, tối thiểu 14 điểm. Phân loại thành 2 mức độ. Thái độ tích cực: Có tổng điểm trên 3/5 số điểm tối đa ở phần thái độ (từ 39 điểm trở lên). Thái độ không tích cực: Có tổng điểm dưới 3/5 số điểm tối đa ở phần thái độ (dưới 39 điểm).

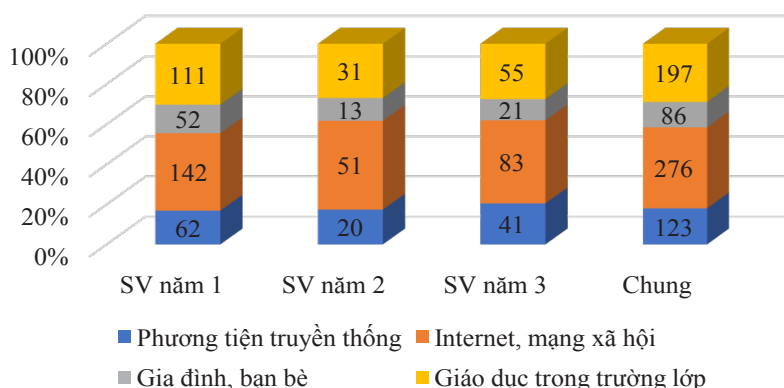
Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Số liệu được kiểm tra, làm sạch ngay sau khi thu thập, sử dụng thống kê mô tả tiến hành phân tích sơ bộ sau đó nhập vào máy tính và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 22.0.

Đạo đức của nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành sau khi đề cương nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng Khoa học và Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định (Số 713/GCN-HĐĐĐ ngày 08/04/2024).

Giải thích mục đích ý nghĩa của cuộc điều tra cho SV hiểu và quyết định tham gia nghiên cứu. Mọi đối tượng đều có thể hỏi những câu hỏi trước khi tiến hành nghiên cứu liên quan đến mục đích, quyền lợi của đối tượng nghiên cứu. Điều tra trên những đối tượng tự nguyện đồng ý cộng tác, không ép buộc và trên tinh thần tôn trọng. Các thông tin cá nhân được đảm bảo giữ bí mật. Kết quả nghiên cứu sẽ không ảnh hưởng tới bất kỳ một kết quả xếp loại học tập nào của đối tượng tham gia nghiên cứu.

Đặc điểm		n	%
Dân tộc	Kinh	342	88,8
	Khác	43	11,2
Ngành học	Dược	129	33,6
	Điều dưỡng	194	50,5
	Chăm sóc sắc đẹp	61	15,9
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	339	88,1
	Kết hôn, chung sống	10	2,6
	Sống với bạn tình	36	9,4
Khu vực gia đình	Thành phố/ Thị xã	107	27,8
	Nông thôn	249	64,7
	Miền núi	21	5,5
	Miền biển	8	2,1
Nơi ở hiện tại	Ở với gia đình	112	29,1
	Ký túc xá	12	3,1
	Thuê nhà	261	67,8

Đa số SV nữ thuộc nhóm từ 18 đến 20 tuổi chiếm 72,2% SV. Tỷ lệ SV nữ ngành Điều dưỡng tham gia nghiên cứu là cao nhất (50,5%), tiếp theo là SV nữ ngành Dược (33,6%) và thấp nhất là SV ngành Chăm sóc sắc đẹp (15,9%). Dân tộc Kinh chiếm đa số (88,8%) và ở tình trạng độc thân (84,9%). 64,7% SV đến từ khu vực nông thôn, 27,8% khu vực thành phố và miền núi miền biển, tương ứng 5,5% và 2,1%. Phần lớn 67,8% sinh viên đang ở thuê, 2,3% ở ký túc xá và 29,1% ở với gia đình.



Biểu đồ 1. Đặc điểm về tiếp cận nguồn thông tin ung thư cổ tử cung (n = 385)

Sinh viên được tiếp cận đa dạng với các nguồn thông tin, có 71,7% sinh viên nữ tìm hiểu thông tin về UTCTC qua internet và các mạng xã hội (276 nữ SV) và 51,2% SV tiếp nhận thông tin từ trường lớp. Chỉ có, 22,3% tìm hiểu thông tin qua gia đình, bạn bè (86 nữ SV), 31,9% tỷ lệ SV tìm hiểu thông tin qua các phương tiện truyền thống như tivi, pano, áp phích, tờ rơi,...

Bảng 2. Thông tin về ung thư cổ tử cung mà nữ sinh viên nhận được (n = 385)

Thông tin mà sinh viên nhận được về UTCTC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Chung (%)
	n	%	n	%	n	%	
Biểu hiện bệnh UTCTC	84	44,4	24	34,8	51	40,2	159 (41,3%)
Các yếu tố nguy cơ gây bệnh	89	47,1	31	44,9	59	46,5	179 (46,5%)
Biện pháp phòng bệnh UTCTC	122	64,6	51	73,9	94	74,0	267 (69,4%)
Nơi khám và điều trị bệnh	52	27,5	24	34,8	44	34,6	120 (31,2%)
Vắc xin phòng bệnh	123	65,1	54	78,3	100	78,7	277 (71,9%)

Bảng 2 cho thấy nguồn thông tin SV nhận được về nhiều nhất là vắc xin phòng bệnh và biện pháp phòng bệnh UTCTC lần lượt chiếm 71,9% và 69,4%.

Bảng 3. Kiến thức chung về phòng ung thư cổ tử cung (n = 385)

Kiến thức chung về UTCTC		n	%
UTCTC có thể chữa khỏi nếu phát hiện sớm	Đúng	354	91,9
	Không đúng/sai	31	8,1
Độ tuổi mắc	Đúng	237	61,6
	Không đúng/sai	148	38,4
Triệu chứng của ung thư cổ tử cung	Đúng	213	55,3
	Không đúng/sai	172	44,7
UTCTC có thể phòng tránh được	Đúng	359	93,2
	Không đúng/sai	26	6,8
Các biện pháp phòng UTCTC	Đúng	251	65,2
	Không đúng/sai	134	34,8

Kiến thức về tiêm vắc xin phòng UTCTC			
Tiêm vắc xin có phòng được UTCTC	Đúng	361	93,8
	Không đúng/sai	24	6,2
Độ tuổi tiêm vắc xin hiệu quả nhất	Đúng	337	87,5
	Không đúng/sai	48	12,5
Đối tượng tiêm phòng UTCTC hiệu quả	Đúng	272	70,6
	Không đúng/sai	113	29,4
Kiến thức về khám sàng lọc UTCTC			
Độ tuổi bắt đầu khám sàng lọc UTCTC	Đúng	201	52,2
	Không đúng/sai	184	47,8
Thời gian nên đi khám sàng lọc UTCTC	Đúng	226	58,7
	Không đúng/sai	159	41,3
Các xét nghiệm phát hiện UTCTC	Đúng	91	23,6
	Không đúng/sai	294	76,4
Lợi ích của khám sàng lọc UTCTC	Đúng	154	40
	Không đúng/sai	231	60

Sinh viên đều nhận thức đúng về kiến thức dự phòng UTCTC. Về các câu hỏi kiến thức chung đa số sinh viên đều trả lời đúng, tỷ lệ đúng cao nhất khi hỏi về UTCTC có phòng tránh được không (93,2%). Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về tiêm vắc xin phòng UTCTC đạt % cao, cao nhất là tiêm phòng vắc xin có phòng được bệnh UTCTC (93,8%). Còn khi được hỏi về kiến thức khám sàng lọc UTCTC thì sinh viên chưa nắm được nhiều thông tin. Chỉ có 40% SV hiểu đầy đủ được lợi ích của khám sàng lọc UTCTC và 23,6% SV biết các xét nghiệm phát hiện UTCTC.

Bảng 4. Kiến thức về yếu tố nguy cơ gây ung thư cổ tử cung (n = 385)

Kiến thức về các yếu tố nguy cơ gây UTCTC		n	%
Hút thuốc lá	Đúng	196	50,9
	Không đúng/sai	189	49,1
Quan hệ tình dục sớm	Đúng	305	79,2
	Không đúng/sai	80	20,8
Quan hệ tình dục với nhiều bạn tình	Đúng	352	91,4
	Không đúng/sai	33	8,6

Kiến thức về các yếu tố nguy cơ gây UTCTC		n	%
Mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục	Đúng	357	92,7
	Không đúng/sai	28	7,3
Nhiễm virus HPV	Đúng	371	96,4
	Không đúng/sai	14	3,6
Gia đình có tiền sử UTCTC	Đúng	200	51,9
	Không đúng/sai	185	48,1
Sinh đẻ nhiều	Đúng	129	33,5
	Không đúng/sai	256	66,5
Viêm cổ tử cung mạn tính	Đúng	352	91,4
	Không đúng/sai	33	8,6
Vệ sinh bộ phận sinh dục không đúng cách	Đúng	124	32,2
	Không đúng/sai	261	67,8
Mắc bệnh suy giảm miễn dịch	Đúng	265	68,8
	Không đúng/sai	120	31,2

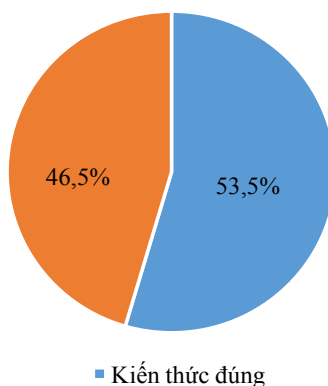
Từ kết quả bảng trên cho thấy trên 90% SV nhận biết các yếu tố nguy cơ gây UTCTC bao gồm: Quan hệ tình dục với nhiều bạn tình (91,4%), mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục (92,7%), nhiễm virus HPV (96,4%) và viêm cổ tử cung mạn tính (91,4%). Và trên 50% SV nhận biết các nguy cơ như hút thuốc lá (50,9%), quan hệ tình dục sớm (79,2%) và mắc bệnh suy giảm miễn dịch (68,8%). Với 2 yếu tố là sinh đẻ nhiều và vệ sinh bộ phận sinh dục không đúng cách chỉ có 33,5% và 32,2% SV nhận biết đây là yếu tố nguy cơ gây UTCTC.

Bảng 5. Thái độ về dự phòng UTCTC theo từng nội dung (n = 385)

Thái độ về dự phòng UTCTC		%
Tôi sẽ tiêm vắc xin phòng ngừa UTCTC	Tích cực	92,2
	Chưa tích cực	7,8
Tiêm vắc xin HPV trước khi QHTD lần đầu tiên	Tích cực	92,7
	Chưa tích cực	7,3
Tiêm vắc xin HPV có thể dự phòng UTCTC	Tích cực	84,9
	Chưa tích cực	15,1
UTCTC là án tử hình	Tích cực	45,7
	Chưa tích cực	54,3
Điều trị UTCTC càng sớm càng tốt	Tích cực	40,3
	Chưa tích cực	59,7

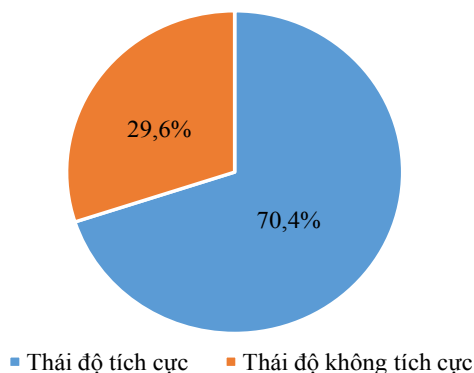
Thái độ về dự phòng UTCTC		%
UTCTC không có nhiều pp điều trị bệnh	Tích cực	34,5
	Chưa tích cực	65,5
QHTD an toàn góp phần ngăn ngừa UTCTC	Tích cực	90,9
	Chưa tích cực	9,1
PN bệnh lây truyền qua đường tình dục có nguy cơ cao	Tích cực	86,5
	Chưa tích cực	13,5
Chỉ cần sàng lọc UTCTC trong những năm mang thai	Tích cực	44,7
	Chưa tích cực	55,3
Chỉ có phụ nữ có QHTD mới cần sàng lọc UTCTC	Tích cực	69,1
	Chưa tích cực	30,9
Khám sàng lọc UTCTC là quan trọng	Tích cực	97,9
	Chưa tích cực	2,1
Bản thân có nguy cơ bị UTCTC	Tích cực	31,7
	Chưa tích cực	68,3
UTCTC là một bệnh rất nặng	Tích cực	85,2
	Chưa tích cực	14,8

Sinh viên tham gia nghiên cứu có thái độ tốt nhất với nhận định “Khám sàng lọc UTCTC là quan trọng” với 97,9% SV tham gia nghiên cứu có thái độ tích cực. Tuy nhiên SV cho rằng mình có nguy cơ mắc UTCTC chỉ chiếm 31,7% và có thái độ chưa tích cực với nhận định “Khi bị chẩn đoán là ung thư cổ tử cung thì không có nhiều phương pháp để điều trị được bệnh” với tỷ lệ tích cực là 34,5%. Với các nhận định còn lại tỷ lệ thái độ tích cực của sinh viên tham gia nghiên cứu đều đạt trên 40%.



Biểu đồ 2. Kiến thức về UTCTC (n = 385)

Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về UTCTC đạt 53,5% và sinh viên có kiến thức không đúng đạt 46,5%.



Biểu đồ 3. Thái độ về phòng UTCTC (n = 385)

Tỷ lệ SV có thái độ về dự phòng UTCTC tích cực đạt 70,4% và thái độ không tích cực đạt 29,6%.

BÀN LUẬN

Kiến thức của sinh viên nữ về phòng ung thư cổ tử cung: Nhận thức đạt của sinh viên về các kiến thức dự phòng ung thư cổ tử cung là 55,3% tỷ lệ này chưa cao gây ảnh hưởng đến quá trình nhận thức về UTCTC, đáng lo ngại vẫn có 5,2% sinh viên không biết một triệu chứng nào tỷ lệ này gần tương đồng với nghiên cứu của Trần Thị Vân ⁸. Điều này có thể dẫn đến việc xem nhẹ về công tác phòng bệnh và làm tăng tỷ lệ mắc UTCTC tại cộng đồng.

Nhìn chung kiến thức về phòng UTCTC của sinh viên Cao đẳng Y Hà Nội khá tốt, tuy nhiên còn chưa đầy đủ. Điểm trung bình của nội dung này đạt $7,8 \pm 1,94$ trên tổng điểm tối đa là 12 điểm.

Khi so sánh giữa các đối tượng, thấy rằng sinh viên có kiến thức chung về UTCTC tốt hơn rõ ràng so với người dân nói chung. Kết quả này dễ hiểu bởi lẽ sinh viên chuyên ngành Y được tiếp cận với kiến thức y học cũng như chăm sóc sức khỏe nhiều hơn so với người dân nói chung, do đó kiến thức về các vấn đề sức khỏe nói chung và về bệnh UTCTC nói riêng là đầy đủ hơn. Kết quả

nghiên cứu cho thấy 91,9% sinh viên nhận thức ung thư cổ tử cung có thể chữa khỏi nếu phát hiện sớm tỷ lệ này cao hơn với nghiên cứu của Trần Thị Vân và Vũ Thị Minh Thi là 48,5%, 43,5% ^{6,8} và thấp hơn nghiên cứu của Vũ Thị Linh Trang là 96,3% ⁹. Kết quả này cũng khá tương đồng với một khảo sát trên 2.578 phụ nữ tại huyện Shache, Kashi, Trung Quốc của Yilidana Mijiti và cộng sự năm 2023 khi khảo sát về kiến thức về ung thư cổ tử cung và các yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức này có 85,8% đối tượng nghiên cứu biết UTCTC có thể chữa khỏi nếu phát hiện sớm ¹⁰.

Tỷ lệ đối tượng nghiên cứu cho rằng UTCTC có thể dự phòng được chiếm 93,2%, cao hơn nghiên cứu của Syed Sameer Aga trên Sinh viên chuyên ngành Y tế (HPS) tại Đại học Khoa học Sức khỏe King Saud Bin Abdulaziz (KSAU-HS), Cơ sở Jeddah (46,9%) ¹¹ và Trần Thị Vân (84,8%) ⁸. Một số biện pháp dự phòng được đối tượng nghiên cứu đưa ra nhiều nhất là tiêm vaccine HPV (92,3%), QHTD an toàn (83,8%), khám phụ khoa định kỳ (86,1%), vệ sinh bộ phận sinh dục đúng cách (81,7%). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Vũ Thị Linh Trang

(2023): tiêm vaccine chiếm 94,2% và bỏ thuốc lá (30,3%)⁹. Nhìn chung kiến thức cơ bản về các biện pháp phòng ngừa UTCTC như tiêm vắc xin HPV hay hành vi tình dục an toàn của sinh viên Việt Nam nói chung và của sinh viên Cao đẳng Y Hà Nội nói riêng khá tốt và đầy đủ hơn khi so sánh với kiến thức của sinh viên các nước khác trên thế giới.

Thái độ của sinh viên nữ về dự phòng ung thư cổ tử cung: Kết quả khảo sát cho thấy một bức tranh khá đa chiều về kiến thức thực và thái độ của sinh viên đối với việc phòng ngừa ung thư cổ tử cung. Mặc dù tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực đã đạt mức khá cao (70,4%), cho thấy sự quan tâm của giới trẻ đối với vấn đề sức khỏe sinh sản đang ngày càng tăng. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về căn bệnh này lại ở mức trung bình (53,5%). Điều này có thể giải thích bởi phần lớn nguồn thông tin về ung thư cổ tử cung mà sinh viên tiếp cận chưa chính xác. So sánh với nghiên cứu của tác giả Đỗ Thị Thùy Vân và Việt Thị Minh Trang cho thấy dù tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực cao hơn (83%) nhưng sinh viên cử nhân điều dưỡng trường Đại học Phạm Ngọc Thạch lại có kiến thức đạt về phòng bệnh UTCTC đạt thấp hơn đáng kể (26,7%)⁴. Cho thấy sinh viên trường Cao đẳng Y Hà Nội có kiến thức đạt mức trung bình về phòng bệnh nhưng chưa thực sự đầy đủ và cận kề, dẫn đến thái độ còn hạn chế và chủ quan trong việc phòng ngừa ung thư cổ tử cung. Vì vậy, môi trường đào tạo ngoài tập trung vào vào kiến thức lý thuyết mà cần có các hoạt động thực tế như tham gia tư vấn sức khỏe, khám bệnh cho cộng đồng cũng có thể là một yếu tố góp phần nâng cao thái độ và trách nhiệm của sinh viên đối với vấn đề sức khỏe của bản thân cũng như cộng đồng.

Về thái độ của sinh viên về phòng UTCTC, đa số nữ sinh viên cho rằng khám sàng lọc UTCTC là quan trọng (97,9%) tỷ lệ này cao hơn nghiên cứu của Henok Tesfaye Bekele là 57,4%¹². Tuy nhiên chỉ có 31,7% sinh viên cho rằng mình có nguy cơ mắc UTCTC và 55,3% sinh viên cho rằng chỉ cần sàng lọc trong những năm thai, thấp hơn kết quả nghiên cứu của Almaz Tadesse khi 66,4% người trả lời nhận thấy rằng bất kỳ phụ nữ nào cũng có thể mắc ung thư cổ tử cung¹³. Qua kết quả trên, chúng tôi nhận thấy, tuy sinh viên biết việc sàng lọc UTCTC có hiệu quả trong việc chẩn đoán sớm và phòng ngừa bệnh UTCTC nhưng hiểu nhận thức về các yếu tố nguy cơ, chủ quan cho rằng mình còn trẻ hoặc chưa lập gia đình nên không cần thiết phải sàng lọc thường xuyên. Bên cạnh đó, tâm lý e ngại, lo lắng về kết quả xét nghiệm cũng là một rào cản khiến nhiều sinh viên trì hoãn việc khám sàng lọc.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy sinh viên nữ Trường Cao đẳng Y Hà Nội có kiến thức đúng về dự phòng UTCTC (53,5%), tuy nhiên kiến thức về sàng lọc và các yếu tố nguy cơ còn hạn chế. Kiến thức về dự phòng CTCTC cũng là yếu tố ảnh hưởng tới thái độ của sinh viên. Mặc dù thái độ dự phòng UTCTC của sinh viên tích cực (70,4%), nhưng nhiều sinh viên vẫn còn chủ quan và chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa một cách hiệu quả. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng thông tin, đặc biệt là thông tin về sàng lọc và các yếu tố nguy cơ, để giúp sinh viên có những quyết định đúng đắn trong việc bảo vệ sức khỏe bản thân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO. Cervical cancer, truy cập ngày 23 September-2024, tại trang web <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/cervical-cancer>. 2024.
2. Bộ Y Tế. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh ung bướu (Ban hành kèm theo Quyết định số 1514/QĐ-BYT ngày 01 tháng 04 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế). NXB Y học. 2020.
3. Nancy M McClung, et al. Trends in human papillomavirus vaccine types 16 and 18 in cervical precancers, 2008–2014. 2019 Vol 28(3), pp. 602-609, DOI: 10.1158/1055-9965.EPI-18-0885
4. Đỗ Thị Thùy Vân và Việt Thị Minh Trang. Kiến thức, thái độ và hành vi phòng ung thư cổ tử cung của sinh viên cử nhân điều dưỡng trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch. Tạp chí Y học Việt Nam. 2023, Vol 532(2), DOI: <https://doi.org/10.51298/vmj.v52i2.4046>.
5. Lê Thị Bích Ngọc và Nguyễn Thị Tú Ngọc. Thực trạng kiến thức, thái độ về ung thư cổ tử cung, dự định phòng ngừa của sinh viên điều dưỡng năm thứ nhất tại Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên năm 2018. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên. 2019, Vol 194, 01 (2019), tr. 27 - 34.
6. Vũ Thị Minh Thi. Thay đổi nhận thức về dự phòng ung thư cổ tử cung của phụ nữ xã Đông Quế huyện Sông Lô tỉnh Vĩnh Phúc năm 2018 [Luận văn Thạc sĩ Điều dưỡng]. Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định. 2018.
7. Lê Văn Hội. Kiến thức, thái độ, thực hành tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ khối Y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội năm 2019. Đại học Y Hà Nội. 2020.
8. Trần Thị Vân. Tỷ lệ nhiễm Human Papilloma Virus và các yếu tố liên quan của phụ nữ từ 18 đến 49 tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh. Y học Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 311-320. 2010.
9. Vũ Thị Linh Trang. Kiến thức về dự phòng cấp I ung thư cổ tử cung và thực hành tiêm phòng vắc xin HPV của sinh viên trường Đại học Y Hà Nội năm 2020 và một số yếu tố liên quan. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Y Hà Nội. 2023.
10. Yilidana Mijiti và cộng sự. Survey on cervical cancer knowledge and its influencing factors among 2,578 women in Shache county, Kashi, China. BMC Womens Health. 2023 May 9;23(1):246. doi: 10.1186/s12905-023-02390-4.
11. Syed Sameer Aga và cộng sự. Assessment of mental health and various strategies among Health Professions' (HP) students: A cross sectional study in King Saud Bin Abdulaziz University for Health Sciences. Journal of Education and Health Promotion , 2023, 12(1):457. https://doi.org/10.4103/jehp.jehp_681_23.
12. H. T. Bekele, et al. Knowledge, Attitude, and Practice Toward Cervical Cancer Screening and Associated Factors Among College and University Female Students in Dire Dawa City, Eastern Ethiopia. Cancer Inform. 2022, Vol 21, pp. 117, DOI: 10.1177/11769351221084808.
13. Almaz Tadesse, et al. Knowledge, Attitude, and Practice (KAP) toward Cervical Cancer Screening among Adama Science and Technology University Female Students, Ethiopia. 2022, Vol 2022(1), pp. 249, DOI: 10.1155/2022/2490327.